TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG ĐIỀN** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 121/2022/QĐST-HNGĐ	*Phong Điền, ngày 01 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 113/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Anh Trương Như T, sinh ngày 21 tháng 6 năm: 1988; Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2/Chị Phạm Thị T1, sinh ngày 16 tháng 4 năm 1986; Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 24 tháng 10 năm 2022 các đương sự đã thỏa thuận các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T1 và anh Trương Như T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28/2012 ngày 07/6/2012. Qua hòa giải đoàn tụ không thành, hai bên thực sự tự nguyện ly hôn.

[2] Về con chung: Cả hai đương sự đều xác nhận vợ chồng có hai con chung gồm:

1/ Cháu Trương Thị Nhã V, sinh ngày 06/5/2012;

2/ Cháu Trương Khánh H, sinh ngày 09/7/2014.

Hai đương sự thỏa thuận giao cả hai cháu V và H cho chị Phạm Thị T1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 11/2022 cho đến khi cả hai

cháu V và H đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[3]Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai đương sự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Hai đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết

[5] Về nợ chung: Hai đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết

[6] Về lệ phí Tòa án: Anh T và chị T1 thỏa thuận anh T chịu toàn bộ Lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trương Như T và chị Phạm Thị T1

-Về con chung: giao cháu cháu Trương Thị Nhã V, sinh ngày 06/5/2012 và cháu Trương Khánh H, sinh ngày 09/7/2014 cho chị Phạm Thị T1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 11/2022 cho đến khi cả hai cháu V và H đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

-Về tài sản chung: Hai đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

-Về nợ chung: Hai đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trương Như T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/ 0002021 ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi Hành Án Dân sự huyện Phong Điền. Anh T đã nộp đủ lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa
thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Đạt

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-UBND xã Điền Hải
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện phong Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Án văn.